

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT

**Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự
số 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận
đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng
bằng phương tiện điện tử**

Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015, Luật tố tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp¹,

QUYẾT NGHỊ:

¹ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định của Luật Phá sản, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Hình sự;

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này hướng dẫn việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử giữa người khởi kiện, đương sự, người tham gia tố tụng khác (sau đây gọi là người khởi kiện, người tham gia tố tụng) với Tòa án trong thủ tục giải quyết vụ án dân sự, vụ án hành chính.

2. Hướng dẫn tại Nghị quyết này được áp dụng để gửi, nhận đơn yêu cầu, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử giữa người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác với Tòa án trong thủ tục giải quyết việc dân sự.

3. Nghị quyết này không áp dụng để thực hiện thủ tục giao, nhận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử giữa Tòa án với Tòa án; giữa Tòa án với Viện kiểm sát và Cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.² Người khởi kiện, người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính.

2.³ Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân khu vực.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện giao dịch điện tử trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Giao dịch điện tử trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (sau đây gọi là giao dịch điện tử)* là việc người khởi kiện, người tham gia tố tụng thực hiện thủ tục gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính.

2. *Thông điệp dữ liệu điện tử trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (sau đây gọi là thông điệp dữ liệu điện tử)* là dữ liệu điện tử được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử từ đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng đã được ban hành theo quy định của pháp luật.

3. *Tài khoản giao dịch điện tử trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (sau*

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

đây gọi là tài khoản giao dịch điện tử) là tên và mật khẩu được Tòa án cấp cho người khởi kiện, người tham gia tố tụng để đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử của Tòa án khi thực hiện giao dịch điện tử.

4. *Chữ ký điện tử trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (sau đây gọi là chữ ký điện tử)* là chữ ký điện tử được tạo lập theo quy định của Luật giao dịch điện tử để ký thông điệp dữ liệu điện tử và có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu điện tử, xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với thông điệp dữ liệu điện tử được ký.

5. *Cổng thông tin điện tử của Tòa án* là điểm truy cập tập trung, lưu trữ, tích hợp các thông tin để người khởi kiện, người tham gia tố tụng giao dịch điện tử với Tòa án trên nền tảng Web.

Điều 4. Nguyên tắc giao dịch điện tử

1. Việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử trong thủ tục giải quyết vụ án dân sự, vụ án hành chính phải tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Nghị quyết này và pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng được lựa chọn giao dịch điện tử với Tòa án theo một trong các hình thức sau:

- a) Gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án;
- b) Chỉ nhận thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo.

3. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng thực hiện giao dịch điện tử với Tòa án kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận của Tòa án. Trường hợp này, Tòa án có trách nhiệm thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử cho họ. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng vẫn có quyền gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

4. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng ngừng giao dịch điện tử với Tòa án kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận của Tòa án. Trường hợp này việc nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ của người khởi kiện, người tham gia tố tụng và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án được thực hiện bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng, Tòa án đã thực hiện giao dịch điện tử thành công thì được xác định là đã hoàn thành thủ tục tố tụng tương ứng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính.

Điều 5. Điều kiện thực hiện giao dịch điện tử

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng lựa chọn gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án phải có các điều kiện sau:

- a) Có địa chỉ thư điện tử để gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử đến và đi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án;

b) Có chữ ký điện tử được chứng thực bằng chứng thư điện tử đang còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận;

c) Đã đăng ký giao dịch thành công theo hướng dẫn tại Điều 12 Nghị quyết này;

d) Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và hướng dẫn tại Nghị quyết này.

2. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng lựa chọn chỉ nhận thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo thì phải đáp ứng các điều kiện hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này và đã đăng ký giao dịch thành công theo hướng dẫn tại Điều 15 Nghị quyết này.

Điều 6. Thông điệp dữ liệu điện tử

1. Thông điệp dữ liệu điện tử được sử dụng trong giao dịch điện tử phải được định dạng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Thông điệp dữ liệu điện tử được ký bằng chữ ký điện tử đã được chứng thực theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử thì có giá trị như văn bản, bản gốc; có giá trị làm nguồn chứng cứ nếu đáp ứng yêu cầu quy định tại các Điều 12, 13 và 14 Luật giao dịch điện tử và quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 7. Sử dụng chữ ký điện tử

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng thực hiện việc gửi thông điệp dữ liệu điện tử cho Tòa án phải sử dụng chữ ký điện tử được chứng thực bằng chứng thư điện tử do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận để ký thông điệp dữ liệu điện tử.

2. Tòa án khi thực hiện giao dịch điện tử với người khởi kiện, người tham gia tố tụng phải sử dụng chữ ký điện tử được chứng thực bằng chứng thư điện tử do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, công nhận để ký thông điệp dữ liệu điện tử.

3. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng, Tòa án có trách nhiệm quản lý, sử dụng chữ ký điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử, Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Thời gian, địa chỉ thực hiện giao dịch điện tử

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng được thực hiện các giao dịch điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

Sau khi nhận được thông điệp dữ liệu điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tòa án tự động gửi thông báo xác nhận giao dịch điện tử thành công đến địa chỉ thư điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng.

2. Ngày gửi thông điệp dữ liệu điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng được xác định là ngày Cổng thông tin điện tử của Tòa án xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu điện tử do người khởi kiện, người tham gia tố tụng gửi đến.

3. Ngày cấp, tổng đạt, thông báo thông điệp dữ liệu điện tử của Tòa án là ngày Công thông tin điện tử của Tòa án xác nhận Tòa án đã gửi thông điệp dữ liệu điện tử đến địa chỉ thư điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng thành công, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 4 Điều 9 của Nghị quyết này.

4. Sau khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu điện tử hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Tòa án in thông tin xác nhận giao dịch điện tử thành công để lưu hồ sơ vụ án.

5. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng, Tòa án đã giao dịch điện tử thành công theo hướng dẫn tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì được coi là đã gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đến đúng địa chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 9. Xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử

1. Trường hợp xảy ra sự cố do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của người khởi kiện, người tham gia tố tụng thì họ phải tự khắc phục sự cố và thông báo ngay bằng văn bản cho Tòa án biết.

2. Trường hợp xảy ra sự cố do Công thông tin điện tử của Tòa án thì Tòa án có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản về sự cố của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thời gian hệ thống tiếp tục vận hành đến địa chỉ mà người khởi kiện, người tham gia tố tụng đã đăng ký để họ nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ bằng phương thức khác cho Tòa án.

3. Trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử mà xảy ra sự cố, nếu sau 03 ngày không khắc phục được thì người khởi kiện, người tham gia tố tụng phải gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ; Tòa án phải cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng. Thời gian không khắc phục được sự cố (03 ngày) được coi là trở ngại khách quan và không tính vào thời hạn tố tụng.

4. Quá trình giao dịch điện tử nếu hệ thống hạ tầng kỹ thuật Công thông tin điện tử của Tòa án gặp sự cố thì ngày gửi, nhận thông điệp dữ liệu điện tử được xác định là ngày thực tế thông điệp dữ liệu điện tử đó được gửi vào hệ thống của người nhận.

Điều 10. Lưu trữ trong giao dịch điện tử

1. Đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử khi gửi đến, gửi đi từ Công thông tin điện tử của Tòa án phải được lưu trữ trên Công thông tin điện tử của Tòa án, phải được Tòa án in ra bản giấy và lưu vào hồ sơ vụ án.

2. Tài liệu, chứng cứ là bản chính, bản sao hợp pháp mà người khởi kiện, người tham gia tố tụng giao nộp theo hướng dẫn tại Điều 19 Nghị quyết này phải được lưu vào hồ sơ vụ án.

3. Thời hạn lưu trữ thông điệp dữ liệu điện tử được thực hiện như đối với thời hạn lưu trữ hồ sơ vụ án bằng văn bản theo quy định của pháp luật và hướng

dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Trường hợp thông điệp dữ liệu điện tử hết thời hạn lưu trữ theo quy định nhưng có liên quan đến tính toàn vẹn về thông tin của hệ thống và các thông điệp dữ liệu điện tử đang lưu hành thì tiếp tục được lưu trữ cho đến khi việc hủy thông điệp dữ liệu điện tử hoàn toàn không ảnh hưởng đến các giao dịch điện tử khác.

Điều 11. Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin

1. Việc gửi, nhận, trao đổi, lưu trữ thông tin trong giao dịch điện tử phải được thực hiện theo quy định của Luật giao dịch điện tử, Luật an toàn thông tin mạng, Luật công nghệ thông tin và các quy định khác của pháp luật.

2. Tòa án, người khởi kiện, người tham gia tố tụng có trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử; sử dụng, quản lý, bảo vệ thông điệp dữ liệu điện tử đúng pháp luật; tự mình hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của thông điệp dữ liệu điện tử. Trường hợp người khởi kiện, người tham gia tố tụng phát hiện tài khoản bị xâm phạm phải có trách nhiệm báo ngay cho Tòa án biết để khóa tài khoản giao dịch đó.

Chương II

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TIN, NGỪNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ VỚI TÒA ÁN

Điều 12. Thủ tục đăng ký gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án

1. Tòa án nhân dân tối cao thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao danh sách các Tòa án thực hiện giao dịch điện tử trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

2. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng thực hiện đăng ký gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án bằng cách truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tòa án, điền đầy đủ thông tin vào mẫu đơn đăng ký, ký điện tử và gửi đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký, Tòa án phải gửi thông báo về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đăng ký qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án vào địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.

a) Trường hợp không được Tòa án chấp nhận, người khởi kiện, người tham gia tố tụng căn cứ thông báo của Tòa án để hoàn chỉnh thông tin đơn đăng ký hoặc liên hệ với Tòa án để được hướng dẫn, hỗ trợ.

b) Trường hợp được Tòa án chấp nhận, người khởi kiện, người tham gia tố tụng căn cứ vào thông báo của Tòa án về tài khoản giao dịch để đổi mật khẩu tài khoản giao dịch đã được cấp lần đầu để bảo đảm an toàn, bảo mật.

4. Tài khoản giao dịch điện tử mà Tòa án cấp cho người khởi kiện, người tham gia tố tụng sẽ hết hiệu lực sử dụng sau 06 tháng kể từ ngày ban hành bản án,

quyết định xét xử, giải quyết vụ án dân sự, vụ án hành chính.

Điều 13. Thủ tục thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tòa án để thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký, ký điện tử và gửi đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

2. Sau khi nhận được thông tin thay đổi, bổ sung của người nộp đơn, Tòa án gửi thông báo về việc chấp nhận thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký. Trường hợp người nộp đơn không điền đúng hoặc đầy đủ thông tin thay đổi, bổ sung thì Tòa án thông báo không chấp nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án; căn cứ vào thông báo không chấp nhận của Tòa án, người nộp đơn điền đầy đủ và đúng thông tin thay đổi, bổ sung, ký điện tử và gửi đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Điều 14. Thủ tục ngừng gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tòa án để đăng ký ngừng gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử, ký điện tử và gửi đến Tòa án.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Tòa án phải kiểm tra, xác định thông tin và gửi thông báo về việc chấp nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký. Trường hợp người nộp đơn không điền đúng hoặc đầy đủ thông tin thì Tòa án gửi thông báo không chấp nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án; căn cứ vào thông báo của Tòa án, người nộp đơn điền đầy đủ và đúng thông tin, ký điện tử và gửi đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

2. Kể từ thời điểm Tòa án chấp nhận ngừng gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử, người khởi kiện, người tham gia tố tụng không được thực hiện các thủ tục gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của Nghị quyết này. Trường hợp họ có yêu cầu gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử lại thì thực hiện thủ tục đăng ký như đăng ký lần đầu theo hướng dẫn tại Điều 12 Nghị quyết này.

Điều 15. Thủ tục đăng ký; thay đổi, bổ sung thông tin; ngừng nhận thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng đăng ký nhận thông điệp dữ liệu điện tử phải nộp trực tiếp tại Tòa án đơn đăng ký theo mẫu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đăng ký cho người nộp đơn. Trường hợp không được Tòa án chấp nhận, người nộp đơn căn cứ thông báo của Tòa án để sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký. Trường hợp được Tòa án chấp nhận, người nộp đơn căn cứ vào thông báo của Tòa án về tài khoản giao dịch để

đổi mật khẩu tài khoản giao dịch đã được cấp lần đầu để bảo đảm an toàn, bảo mật.

2. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử phải nộp trực tiếp tại Tòa án đơn đăng ký theo mẫu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án gửi thông báo về việc chấp nhận thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký. Trường hợp người nộp đơn không điền đúng hoặc đầy đủ thông tin thay đổi, bổ sung thì Tòa án thông báo không chấp nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án; căn cứ vào thông báo không chấp nhận của Tòa án, người nộp đơn điền đầy đủ và đúng thông tin thay đổi, bổ sung và nộp trực tiếp tại Tòa án.

3. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng đăng ký ngừng nhận thông điệp dữ liệu điện tử phải nộp trực tiếp tại Tòa án đơn đăng ký theo mẫu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải kiểm tra, xác định thông tin và gửi thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận đơn đăng ký cho người nộp đơn, thông báo này cũng được Tòa án gửi cho người nộp đơn qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trường hợp người gửi đơn không điền đúng hoặc đầy đủ thông tin thì Tòa án gửi thông báo không chấp nhận yêu cầu qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án; căn cứ vào thông báo của Tòa án, người gửi đơn điền đầy đủ, đúng thông tin và nộp trực tiếp tại Tòa án.

Trường hợp người khởi kiện, người tham gia tố tụng có yêu cầu nhận thông điệp dữ liệu điện tử lại thì thực hiện thủ tục đăng ký như đăng ký lần đầu theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này.

4. Tài khoản giao dịch điện tử mà Tòa án cấp cho người khởi kiện, người tham gia tố tụng sẽ hết hiệu lực sử dụng sau 06 tháng kể từ ngày ban hành bản án, quyết định xét xử, giải quyết vụ án dân sự, vụ án hành chính.

Chương III

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG GỬI VÀ NHẬN ĐƠN KHỞI KIỆN, TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Điều 16. Lập và gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

1. Người khởi kiện phải truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tòa án điền đầy đủ nội dung đơn khởi kiện, ký điện tử và gửi đến Tòa án.

2. Tài liệu, chứng cứ gửi kèm theo đơn khởi kiện phải được gửi đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Điều 17. Nhận và xử lý đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo

1. Sau khi nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo bằng phương tiện điện tử, Tòa án phải in ra bản giấy, ghi vào sổ nhận đơn và xử lý đơn khởi kiện

theo quy định của pháp luật tố tụng.

Tòa án gửi thông báo đã nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ cho người khởi kiện từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của người khởi kiện. Nội dung thông báo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Kết quả xử lý đơn khởi kiện được Tòa án gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của người khởi kiện.

Điều 18. Gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị quyết này.

2. Sau khi nhận tài liệu, chứng cứ của người khởi kiện, người tham gia tố tụng quy định tại khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều này, Tòa án kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã nhận và gửi thông báo đã nhận tài liệu, chứng cứ từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của người khởi kiện, người tham gia tố tụng trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu, chứng cứ.

Điều 19. Giao nộp tài liệu, chứng cứ tại Tòa án

1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng đã gửi tài liệu, chứng cứ qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án phải nộp bản chính hoặc bản sao hợp pháp tài liệu, chứng cứ đó chậm nhất là tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Đối với các tài liệu, chứng cứ mà người tham gia tố tụng gửi cho Tòa án bằng phương tiện điện tử sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thì thời hạn giao nộp bản chính và bản sao hợp pháp tài liệu, chứng cứ đó được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

2. Đối với tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 96 Luật tố tụng hành chính; chứng cứ là vật chứng; tài liệu nghe được, nhìn được hoặc những tài liệu, chứng cứ khác mà không thể định dạng dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này thì Tòa án, người khởi kiện, người tham gia tố tụng không được gửi bằng phương thức điện tử mà phải giao nộp bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Chương IV

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG CẤP, TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN, GỬI TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Điều 20. Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử

Trong trường hợp người khởi kiện, người tham gia tố tụng đã đăng ký gửi và nhận, đăng ký nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết này thì văn bản tố tụng do Tòa án ban hành theo quy định của pháp luật tố tụng phải được Tòa án gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký của người khởi kiện, người tham gia tố tụng trong thời hạn pháp luật quy định.

Điều 21. Tòa án gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

1. Trong tố tụng hành chính, tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, do người khởi kiện, người tham gia tố tụng cung cấp phải được Tòa án gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của người khởi kiện, người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

2. Trong tố tụng dân sự, tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập phải được Tòa án gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của người khởi kiện, người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trường hợp vì lý do chính đáng mà người khởi kiện, đương sự không gửi được đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác quy định tại khoản 9 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện, đương sự cung cấp cho đương sự khác.

Điều 22. Nhận và xử lý thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo

1. Sau khi nhận thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo, người khởi kiện, người tham gia tố tụng có trách nhiệm gửi thông báo đến Tòa án qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc đã nhận được thông điệp dữ liệu điện tử.

2. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng được sử dụng thông điệp dữ liệu điện tử mà Tòa án gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện các nội dung, yêu cầu ghi trên văn bản tố tụng của Tòa án trong thời hạn quy định; thường xuyên kiểm tra thư điện tử đã đăng ký với Tòa án, đăng nhập tài khoản giao dịch điện tử để tra cứu, xem, in, sử dụng thông điệp dữ liệu điện tử đã gửi, nhận khi tài khoản của họ còn hiệu lực sử dụng theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 12 và khoản 4 Điều 15 Nghị quyết này. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng tự chịu trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện việc đăng nhập, tiếp nhận, thực hiện các nội dung, yêu cầu ghi trên văn bản tố tụng của Tòa án.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện giao dịch điện tử tại Tòa án

1. Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thực hiện giao dịch điện tử theo đúng quy

định của Luật giao dịch điện tử, Bộ luật tố tụng dân sự và Luật tố tụng hành chính, Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2.⁴ Việc áp dụng giao dịch điện tử tại Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực được thực hiện khi có đủ điều kiện.

Điều 24. Hiệu lực thi hành⁵

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Trong quá trình triển khai thi hành Nghị quyết nếu có vướng mắc cần được hướng dẫn thì các Tòa án phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao để Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 05 /VBHN-TANDTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (để đăng tải);
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị thuộc TANDTC (để thực hiện);
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Điều 7 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.”